

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 17/2018/QĐST-HNGĐ

Ngày: 24-5-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.

2. Ông Trần Xuân Tộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị N Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu t Htrú: Thôn ĐN, xã AM, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Bạch Thị Thu Hsinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu t Htrú: Thôn ĐN, xã AM, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Bạch Thị Thu Hxác nhận kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 10/01/2014 tại UBND xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng chỉ tồn tại một

thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình, dù đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Anh T và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu giải quyết cho anh, chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T, chị H xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Bảo N sinh ngày 12/12/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu N ở với anh T. Nay ly hôn anh T, chị H đều xin được nuôi con chung và không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng đóng góp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T, chị H đều xác nhận vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức nhận xét: Quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã T thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H; giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Bạch Thị Thu H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn và trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn T và chị Bạch Thị Thu H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 10/01/2014 tại UBND xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng chỉ tồn tại một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên t Hxuyên lục đục, xô xát, mắng chửi nhau. Thực tế anh T, chị H đã

ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T, chị H đều thừa nhận đã hết tình cảm và không muốn nhìn thấy nhau. Vì thế, căn cứ quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn T đối với chị Bạch Thị Thu H

[2]- *Về con chung*: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Trần Bảo N sinh ngày 12/12/2014. Xuất phát từ tình yêu, tình thương và tinh thần trách nhiệm anh T, chị H đều xin được nuôi con chung, không yêu cầu phía bên kia phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã cân nhắc rất thận trọng, xem xét rất kỹ lưỡng điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh T và chị H thì thấy: Anh T có điều kiện tốt hơn. Anh T có trình độ cử nhân luật, là công an viên t H trực hưởng lương từ ngân sách nhà nước, thu nhập ổn định; hiện nay anh T còn làm trang trại trồng bưởi Diễn đã được thu hoạch đại trà nên có điều kiện kinh tế tốt hơn; còn chị H là giáo viên hợp đồng tại trường trung học cơ sở xã An Mỹ kiêm nhiệm phó bí thư đoàn xã có phụ cấp và lương hợp đồng. Về chỗ ở, anh T hiện có tài sản nhà đất kiên cố đứng tên riêng của anh, vị trí thuận lợi ngay gần trường học của con chung và hàng ngày cháu N vẫn từ đây đến trường. Trong khi đó chị H không có nhà đất, chỗ ở riêng mà chỗ ở, sinh hoạt phụ thuộc vào bố mẹ đẻ. Thực tế từ khi ly thân đến nay cháu Trần Bảo N vẫn do anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục được đảm bảo về mọi mặt. Vì thế, để đảm bảo quyền lợi và các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con chung thì cần thiết giao cháu Trần Bảo N cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

[3]- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh T, chị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]- *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 01 Điều 35, khoản 01 Điều 39, khoản 04 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T Hvụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn T được ly hôn chị Bạch Thị Thu H

- *Về con chung*: Giao trẻ Trần Bảo N sinh ngày 12/12/2014 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có yêu cầu khác.

Chị Bạch Thị Thu H có quyền thăm nom, gặp gỡ, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Xác nhận anh T, chị H đều thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001753 ngày 09/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- VKSND H. Mỹ Đức;
- Chi cục THADS H. Mỹ Đức;
- UBND xã A M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Thắng